

Số: 1835/BC - BYT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

**Tổng kết 05 năm thi hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP
ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành
một số điều của Luật an toàn thực phẩm**

Kính gửi : Chính phủ

Thực hiện Thông báo số 87/TB-VPCP ngày 29/3/2022 và Thông báo số 382/TB-VPCP ngày 16/9/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) và thông báo kết luận tại cuộc họp Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm; trong đó giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và các cơ quan, địa phương liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá tổng thể, thận trọng. Bộ Y tế đã phối hợp với các Bộ ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tiến hành đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, đồng thời đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung cần thiết. Trên cơ sở tổng hợp các báo cáo của các Bộ ngành liên quan và các tỉnh, thành phố; Bộ Y tế báo cáo tổng kết 05 năm thi hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Mục 1

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) ban hành thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (Nghị định số 38/2012/NĐ-CP) sau hơn 05 năm thực hiện, nhiều quy định tại Nghị định số 38/2012/NĐ-CP đã bộc lộ những điểm chưa phù hợp với các văn bản mới được ban hành cũng như thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của các Bộ quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm; đồng thời một số doanh nghiệp, hiệp hội, hội cũng có các kiến nghị do quy định tại Nghị định số 38/2012/NĐ-CP còn tồn tại vướng

mắc, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Ngoài ra, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP cần phải bổ sung các nội dung chỉ đạo của Chính phủ trong tình hình mới tại các Nghị quyết 103/NQ-CP ngày 05/12/2016, Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28/4/2016, Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ, Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Bộ Y tế đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ban hành thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tại Trung ương

- Bộ Y tế phối hợp với Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức nhiều hội nghị toàn quốc phổ biến, hướng dẫn nội dung và kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở Trung ương và địa phương.

- Bộ Công Thương thông qua hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường thường xuyên kết hợp tuyên truyền trực tiếp đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh các quy định của pháp luật về kinh doanh hàng hóa và bảo đảm an toàn thực phẩm trong Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông phổ biến Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật tới các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đồng thời tuyên truyền về các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và kiến thức khoa học về an toàn thực phẩm, tác hại của thực phẩm không an toàn, thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng.

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai “Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới” trong lĩnh vực nông nghiệp.

Hàng năm, tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên toàn quốc.

Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong đó nội dung bồi dưỡng về thanh tra chuyên ngành lĩnh vực an toàn thực phẩm là trọng tâm và chiếm phần lớn thời lượng chương trình đào tạo. Nội dung là các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm được quy định trong Luật an toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trong hoạt động thanh tra chuyên ngành.

Chỉ đạo địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về chất lượng an toàn thực phẩm tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.

Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương phổ biến, nhân rộng các mô hình chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn trên toàn quốc, đảm bảo gia tăng cả 03 tiêu chí về số chuỗi, số sản phẩm được kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi, số điểm bán sản phẩm để nhằm không những tăng thị phần cung ứng sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng mà còn tăng giá trị sản phẩm và lợi nhuận cho người nông dân, doanh nghiệp tham gia chuỗi. Tính đến hết năm 2022, đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai xây dựng và phát triển mô hình chuỗi; có 1.644 chuỗi được kiểm soát.

- Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan để thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Đặc biệt, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã tích cực chủ động, phối hợp với các Bộ để kịp thời đề xuất, kiến nghị xử lý các vướng mắc, bất cập của doanh nghiệp, cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục nhập khẩu thực phẩm, đồng thời, thực hiện nhiệm vụ cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành nói chung và công tác kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu nói riêng để vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm thời gian thông quan hàng hóa nhưng vẫn đảm bảo quản lý nhà nước.

2. Tại địa phương:

Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các kế hoạch, chỉ thị triển khai Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, đồng thời tổ chức nhiều hội nghị phổ biến cho đối tượng là các cán bộ, nhân viên của ngành y tế cũng như các bộ, ngành có liên quan khác như công an, công thương, nông nghiệp,...

Trên cơ sở kế hoạch triển khai Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của địa phương; các sở, ban, ngành thực hiện việc phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật an toàn thực phẩm cho các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

Bên cạnh việc tổ chức các hội nghị phổ biến hoặc tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm cho các cán bộ, công chức, viên chức, hoạt động phổ biến, giáo dục các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm mới ban hành còn được thực hiện thông qua hình thức sao gửi văn bản đến các tổ chức, cơ quan, đơn vị để nghiên cứu thực hiện.

Ngoài ra việc phổ biến pháp luật an toàn thực phẩm còn được thực hiện trên các kênh truyền thông đại chúng của tỉnh như Đài phát thanh, truyền hình và báo in của tỉnh.

3. Qua khảo sát, cho thấy các đối tượng được khảo sát đã được tiếp cận Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn qua rất nhiều hình thức khác nhau, trong đó hình thức hội nghị phổ biến pháp luật và qua đường hành chính do cấp trên gửi vẫn là hai hình thức phổ biến nhất.

Ngoài ra, còn có các hoạt động truyền thông về an toàn thực phẩm khác như: cung cấp thông tin và trả lời các câu hỏi của phóng viên các báo và tạp chí, đăng tin trên website của Bộ Y tế và Cục An toàn thực phẩm (tính từ năm 2011-2022, đã cập nhật tin tức, sự kiện, cảnh báo: 5.135 tin bài, trong khi cả giai đoạn 2006-2010 chỉ đăng tải, cập nhật được 461 tin bài; cập nhật thường xuyên các tài liệu truyền thông, các văn bản pháp luật mới ban hành, các thông tin quản lý liên quan; Lượt truy cập trang web: 154.727.020 truy cập).

Nhìn chung, hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói riêng và truyền thông nói chung về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế đã được thực hiện trên phạm vi toàn quốc với sự phối hợp của các đơn vị truyền thông và các ban ngành đoàn thể tổ chức chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận tổ quốc Việt Nam... Kinh phí truyền thông chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, nguồn chi không thường xuyên (Dự án truyền thông an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2015 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm; và Dự án truyền thông y tế thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2022). Mặc dù với nguồn kinh phí hạn hẹp, các hoạt động và nội dung tuyên truyền về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của tình hình an toàn thực phẩm thực tế trong các năm góp phần nâng cao kiến thức, thực hành về an toàn thực phẩm cho các nhóm đối tượng.

III. TỒN TẠI, BẤT CẬP:

Bên cạnh các kết quả đã đạt được, công tác phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm còn tồn tại một số vấn đề như sau:

1. Một số cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể chưa nhận thức đầy đủ, vai trò, vị trí của công tác an toàn thực phẩm nên chưa quan tâm đầu tư đúng mức trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm.

2. Văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP do nhiều Bộ, ngành hướng dẫn¹ liên tục được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế nên việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lĩnh vực an toàn thực phẩm có thời điểm chưa được kịp thời.

¹ Bộ Y tế ban hành 06 Thông tư; Bộ Công thương ban hành 03 Thông tư và 01 Quyết định; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành 03 Thông tư.

3. Hầu hết các tỉnh, thành phố chỉ tổ chức triển khai phổ biến Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngay sau khi ban hành mà không tổ chức phổ biến nhắc lại ở các năm tiếp theo.

4. Một số địa phương khó khăn về bố trí kinh phí, nhân lực cho việc tuyên truyền, phổ biến, kinh phí dành cho công tác tuyên truyền hầu như không có nên việc tuyên truyền phải phối hợp lồng ghép với nhiều nội dung khác. Một số tỉnh có địa bàn tỉnh rộng, dân cư không tập trung, có nhiều cộng đồng người dân tộc nói tiếng khác nhau dẫn đến việc tuyên truyền gặp nhiều khó khăn do lực lượng mỏng, kiêm nhiệm nhiều việc.

5. Hoạt động truyền thông chưa thật sự phong phú, chưa bắt kịp với công nghệ hiện đại 4.0, internet.. truyền thông qua mạng xã hội còn hạn chế về số lượng và chất lượng.

6. Hoạt động sản xuất thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp gồm nhiều công đoạn, tùy thuộc vào loại sản phẩm (nông, lâm, thủy sản) và hoạt động diễn ra riêng lẻ, cùng với kỹ thuật lạc hậu, thủ công, do vậy việc tuyên truyền kiến thức pháp luật an toàn thực phẩm gặp nhiều khó khăn: khó tiếp cận đến đối tượng trực tiếp sản xuất, chế biến, gia công...;

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nhiều hạn chế về hiểu biết kiến thức pháp luật và thiếu ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe cộng đồng; hoạt động sản xuất, kinh doanh không ổn định, bền vững, dễ thay đổi nghề nghiệp; khó giám sát, quản lý do sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ nhưng không có đăng ký hoạt động...

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp đặc biệt là cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản nhỏ lẻ tuân thủ quy định đảm bảo an toàn thực phẩm chưa đáp ứng yêu cầu dẫn đến tỷ lệ mẫu giám sát an toàn thực phẩm không đạt tuy đã giảm nhưng còn ở mức cao.

Mục 2

CÔNG TÁC BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

I. HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

1. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP có hiệu lực ngày 02/02/2018 gồm 8 chương và 44 điều quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm về thủ tục tự công bố sản phẩm; thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm; bảo đảm an toàn thực phẩm biến đổi gen; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu; ghi nhãn thực phẩm; quảng cáo thực phẩm; điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe; điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng phụ gia thực phẩm; truy xuất nguồn gốc thực phẩm và phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

2. Qua tập hợp các văn bản do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành từ năm 2018 đến nay cho thấy đề quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, các cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành 08 Thông tư và còn hiệu lực.

Bảng 1. Thống kê số lượng văn bản hướng dẫn ban hành qua các năm

STT	Năm ban hành	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1.	2018	4 ²	50
2.	2019	2 ³	25
3.	2020	1 ⁴	12,5
4.	2021	0	0
5.	2022	1 ⁵	12,5
	Cộng	8	100

3. Ở cấp địa phương, hầu hết các tỉnh không ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực an toàn thực phẩm mà chủ yếu thực hiện việc chỉ đạo, điều hành công tác an toàn thực phẩm dựa trên hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm của Trung ương.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Kết quả đạt được:

1.1. Về tính kịp thời, đầy đủ:

Qua thống kê cho thấy, toàn bộ các nội dung được giao đều đã có văn bản hướng dẫn thực hiện và các văn bản này chủ yếu được ban hành trong năm 2018-2019.

² Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN và PTNT; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN và PTNT; Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT hướng dẫn kiểm tra về chất lượng, ATTP muối nhập khẩu; Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

³ Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

⁴ Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

⁵ Thông tư số 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động.

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay, bên cạnh việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, các Bộ còn ban hành công văn hướng dẫn thực hiện ví dụ: Công văn 3109/BCT-KHCN ngày 20/4/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ngoài ra, tính kịp thời trong ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện còn thể hiện ở việc ban hành văn bản kịp thời khi có sự thay đổi về chính sách pháp luật. Cụ thể là theo quy định Khoản 2 Điều 7 Luật Đầu tư thì điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề phải được quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Điều này đồng nghĩa với việc Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh. Tuy nhiên, theo quy định của Luật an toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Bộ Y tế đã kịp thời xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

1.2. Về tính thống nhất, đồng bộ:

Văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP được ban hành với nhiều hình thức và cấp có thẩm quyền ban hành khác nhau. Tuy nhiên, tính nhất quán, đồng bộ trong hệ thống văn bản pháp luật là khá cao. Các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm được xây dựng bảo đảm tính thống nhất pháp lý theo trình tự hiệu lực pháp lý trên cơ sở của đạo luật gốc là Hiến pháp để quy định, điều chỉnh các quan hệ xã hội về lĩnh vực an toàn thực phẩm không có văn bản nào mâu thuẫn với Hiến pháp tức là không xuất hiện các xung đột pháp luật.

Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế đã bãi bỏ quy định về việc phân cấp quản lý an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế tại Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

1.3. Về tính phù hợp, khả thi:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm gồm Luật an toàn thực phẩm và các văn bản dưới luật về cơ bản đã bảo đảm tính phù hợp, khả thi và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Trong đó hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tự công bố sản phẩm; bảo đảm an toàn thực phẩm biến đổi gen; chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu; ghi nhãn thực phẩm; quảng cáo thực phẩm; bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe; bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh và

sử dụng phụ gia thực phẩm và truy xuất nguồn gốc thực phẩm được triển khai đồng bộ, hiệu quả và quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp được bảo đảm tương đối tốt.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm cơ bản đã phù hợp, tiếp cận gần hơn với pháp luật quốc tế, phù hợp với các cam kết, hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong đó, nhiều quy định bảo đảm an toàn thực phẩm biến đổi gen; kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu; ghi nhãn thực phẩm; quảng cáo thực phẩm; bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng phụ gia thực phẩm và truy xuất nguồn gốc thực phẩm đã dần hướng đến hội nhập quốc tế, bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm đã bảo đảm đối xử công bằng trên một mặt bằng pháp luật giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong nước với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có yếu tố nước ngoài. Điều này đã tạo điều kiện cho các cơ sở tiếp cận thị trường và cung cấp các sản phẩm đa dạng, phong phú.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm đã thực sự đi vào cuộc sống và trở thành công cụ hữu hiệu trong việc thúc đẩy dịch vụ ngày càng phát triển và chất lượng hơn, phát huy hiệu quả vai trò quản lý nhà nước về y tế.

2. Tồn tại, bất cập:

2.1. Về tính kịp thời, đầy đủ:

Mặc dù đến nay, gần như toàn bộ các văn bản hướng dẫn đều đã được ban hành đầy đủ nhưng hầu hết văn bản hướng dẫn đều ban hành chậm, ví dụ:

- Chương V. Hồ sơ, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương ban hành Thông tư 43/2018/TT-BCT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019 chậm 12 tháng;

- Khoản 2 Điều 35 truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế được hướng dẫn bởi Thông tư 25/2019/TT-BYT có hiệu lực kể từ ngày 16/10/2019 ban hành chậm 20 tháng;

- Điều 39: Hướng dẫn bởi Thông tư 43/2018/TT-BCT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019 chậm 10 tháng;

- Khoản 9 Điều 39: Cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu được hướng dẫn bởi Điều 10 Thông tư 43/2018/TT-BCT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019 chậm 10 tháng.

- Một số khái niệm chưa rõ, chưa phân biệt được các hoạt động, gây khó khăn khi triển khai thực hiện các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật

an toàn thực phẩm (ví dụ: Khái niệm về “chế biến thực phẩm” chưa phân biệt với “sơ chế thực phẩm”...; chưa có khái niệm về sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; chưa hài hòa với Tiêu chuẩn Codex, EU).

Một số quy định pháp luật về an toàn thực phẩm vẫn còn những nội dung chưa bảo đảm theo kịp xu hướng pháp luật quốc tế, đặc biệt là các quy định về tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm...

2.2. Về tính thống nhất, đồng bộ:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm vẫn còn một số tồn tại, bất cập sau:

a) Một số văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm chưa bảo đảm tính thống nhất đồng bộ với nhau:

- Về công bố sản phẩm:

Một số quy định, khái niệm, thuật ngữ còn chưa rõ ràng dẫn đến khó áp dụng, không thống nhất cách hiểu trong quá trình thực hiện: sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi phải đăng ký bản công bố sản phẩm nhưng chưa có giải thích hay khái niệm đối với sản phẩm này; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho chế độ ăn đặc biệt; thực phẩm bổ sung...

- Về quảng cáo sản phẩm:

Một số nội dung được quy định tại Nghị định 181/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 hướng dẫn về quảng cáo thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; tuy nhiên chưa được đưa vào Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ví dụ: quy định về tiếng nói, chữ viết, hình ảnh trong sản phẩm quảng cáo; quy định về trường hợp dừng tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo khi tổ chức/cá nhân có sản phẩm thực phẩm đang vi phạm các quy định của pháp luật về quảng cáo, vi phạm quy định về an toàn thực phẩm; thu hồi hiệu lực của giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thực phẩm...

- Về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu:

Về chỉ định/giao nhiệm vụ kiểm tra thực phẩm nhập khẩu cho cơ quan kiểm tra nhà nước và áp dụng phương thức kiểm tra đối với thực phẩm nhập khẩu:

Tại khoản 3 Điều 40 Luật an toàn thực phẩm quy định “3. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm, việc áp dụng phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm nhập khẩu thuộc lĩnh vực được phân công quản lý”.

Hiện nay, Nghị định chưa có quy định về điều kiện đối với cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu. Việc này dẫn đến trình tự thủ tục chỉ định/giao nhiệm vụ đối với cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu chưa thống nhất giữa 3 Bộ quản lý chuyên ngành.

Việc giao cho cơ quan hải quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu (phương thức kiểm tra giảm tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) là chưa phù hợp với quy định tại Luật ATTP.

Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15 quy định: “Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu là cơ quan được Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Công Thương giao hoặc chỉ định. Trường hợp một lô hàng nhập khẩu có nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều bộ thì cơ quan kiểm tra nhà nước là cơ quan được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao hoặc chỉ định”. Tuy nhiên, phát sinh trong thực tiễn lô hàng nhập khẩu có nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều bộ nhưng không có sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Bên cạnh đó vẫn có một số nội dung ban hành bằng hình thức công văn hướng dẫn⁶...

b) Một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khác:

Việc quy định doanh nghiệp tự công bố sản phẩm thực phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm chỉ kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm của sản phẩm mà không phải kiểm nghiệm đánh giá các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm có thể dẫn đến việc sản phẩm không bảo đảm chất lượng lưu thông trên thị trường mà không được kiểm soát kịp thời, ảnh hưởng tới quyền lợi người tiêu dùng.

Trong khi thức ăn chăn nuôi phải đăng ký lưu hành sản phẩm theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Chăn nuôi.

2.3. Về tính phù hợp, khả thi:

Mặc dù, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm về cơ bản đã bảo đảm tính phù hợp, khả thi và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn nhưng vẫn còn một số tồn tại, bất cập sau:

a) Về công bố sản phẩm:

⁶ Khoản 10 Điều 3: Khoản 1 Công văn 3109/BCT-KHCN năm 2018 có hiệu lực ngày 20/4/2018; Khoản 9 Điều 36: Khoản 3 Công văn 3109/BCT-KHCN năm 2018 có hiệu lực ngày 20/4/2018; Khoản 6 Điều 39: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho siêu thị vừa sản xuất, vừa kinh doanh thực phẩm được hướng dẫn bởi Khoản 5 Công văn 3109/BCT-KHCN năm 2018 có hiệu lực ngày 20/4/2018

- Quy định tự công bố sản phẩm trong Nghị định số 15/2018/NĐ-CP chưa bảo đảm phù hợp với nguyên tắc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại Điều 3 Luật an toàn thực phẩm cụ thể:

Khoản 3 Điều 3 Luật an toàn thực phẩm quy định nguyên tắc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng: “3. *Quản lý an toàn thực phẩm phải trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng.*”

Tuy nhiên, Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định tự công bố sản phẩm đối với một số nhóm sản phẩm và miễn thực hiện thủ tục công bố đối với sản phẩm, nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu:

“1. *Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tự công bố thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm) trừ các sản phẩm quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 6 Nghị định này.*

2. *Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu hoặc phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước được miễn thực hiện thủ tục tự công bố sản phẩm.*”

- Tại khoản 3 Điều 12 Luật an toàn thực phẩm quy định: “3. *Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường.*”

Tuy nhiên tại chương II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP không sử dụng cụm từ công bố hợp quy mà sử dụng cụm từ “Tự công bố sản phẩm” và “Đăng ký bản công bố sản phẩm”.

b) Về quảng cáo sản phẩm:

Theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan y tế có nhiệm vụ xác nhận nội dung quảng cáo đối với nhóm sản phẩm thực phẩm quy định tại Điều 26 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, không có chức năng xác nhận phương tiện quảng cáo.

c) Về điều kiện sản xuất, kinh doanh:

Điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe “*đủ nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí công việc được giao và được huấn luyện đào tạo kiến thức cơ bản về GMP, về an toàn thực phẩm và kiến thức chuyên môn liên quan. Trưởng bộ phận sản xuất và trưởng bộ phận kiểm soát chất lượng*

phải là nhân sự chính thức, làm việc toàn thời gian cho cơ sở và độc lập với nhau. Người phụ trách chuyên môn của cơ sở phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành Y, Dược, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm, Công nghệ thực phẩm và phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc tại lĩnh vực chuyên ngành có liên quan" chưa quy định rõ các chuyên ngành phù hợp với chuyên môn trong sản xuất thực phẩm như sinh học, hóa học; nên thay chuyên ngành an toàn thực phẩm, công nghệ thực phẩm thành chuyên ngành thực phẩm đối với trình độ chuyên môn của nhân viên của cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe... Việc quy định chuyên ngành như hiện tại chưa bảo đảm tính rõ ràng và phù hợp với thực tiễn sử dụng nhân lực trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

d) Về kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu:

Một số nội dung tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn chưa phù hợp với quy định của Luật, cụ thể:

Khoản 1 Điều 39 Luật an toàn thực phẩm quy định “1. Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm, trừ một số thực phẩm được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định của Chính phủ.”. Theo đó, tất cả thực phẩm phải kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm khi nhập khẩu trừ các trường hợp được miễn kiểm tra và phân công trách nhiệm quản lý hàng hóa cho 3 Bộ (Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương) quản lý (Điều 40).

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, các Bộ quản lý chuyên ngành phải ban hành danh mục hàng hoá phải kiểm tra chuyên ngành kèm mã số HS.

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020, các bộ phải ban hành các danh mục kiểm tra chuyên ngành theo hướng cắt giảm tối đa danh mục phải kiểm tra và chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

Do vậy, việc thực hiện các Nghị quyết số 02/NQ-CP và Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP, Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP dẫn đến một số thực phẩm không nằm trong danh mục phải kiểm tra nhà nước tại các Thông tư số 11/2021/TT-

BNNPTNT, Thông tư số 28/2021/TT-BYT, Quyết định số 1182/QĐ-BCT nêu trên của các Bộ là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 39 Luật ATTP.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

I. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

1. Kết quả đạt được:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đã thay đổi cơ bản phương thức quản lý an toàn thực phẩm từ tiền kiểm sang chủ yếu tập trung hậu kiểm; theo đó, tập trung chủ yếu nguồn lực quản lý phục vụ công tác hậu kiểm.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đã phân cấp cho địa phương trong quản lý an toàn thực phẩm, các sản phẩm phải đăng ký bản công bố sản phẩm được thực hiện hầu hết tại địa phương; Bộ Y tế chỉ quản lý và cấp Giấy tiếp nhận bản công bố sản phẩm đối với nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp, giảm thành phần hồ sơ công bố, giảm thời gian, trình tự thực hiện thủ tục hành chính công bố sản phẩm, bước đầu tiết kiệm thời gian, kinh phí cho doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa và rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tạo thông thoáng và phát huy tối đa quyền của doanh nghiệp: Cho phép doanh nghiệp thực hiện tự công bố sản phẩm (ước tính số sản phẩm tự công bố chiếm khoảng 90% hay nói cách khác là cắt giảm được 90% số lượng sản phẩm cần có giấy Tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm. Các sản phẩm sẽ được sản xuất và lưu thông ngay sau khi thực hiện tự công bố và không cần có ý kiến của cơ quan quản lý. Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về sản phẩm của mình. Số sản phẩm phải thực hiện đăng ký bản công bố và có giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trước khi lưu thông chỉ còn rất ít, khoảng 10%).

- Cắt giảm thủ tục hành chính về kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu (kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu), rút ngắn thời gian thông quan đối với thực phẩm nhập khẩu, giảm tối đa số lượng lô hàng thực phẩm nhập khẩu phải lấy mẫu kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm. Theo đó các sản phẩm thực phẩm đã được cấp Giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm sẽ được miễn kiểm tra nhập khẩu, chiếm khoảng 10%; số mặt hàng phải áp dụng kiểm tra chặt: tối đa 2% (tùy vào cảnh báo) và ít nhất 95% số mặt hàng không cần qua kiểm tra giảm do chỉ kiểm tra xác suất tối đa 5% tổng số mặt hàng thuộc đối tượng kiểm tra giảm.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm yêu cầu chỉ kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn. Các chỉ tiêu về chất lượng như: Hàm lượng chất dinh dưỡng, hàm lượng vitamin, khoáng chất, hoạt chất sinh học chỉ cần công bố hàm lượng, không cần kiểm nghiệm, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ. Điều này giảm kinh phí kiểm nghiệm cho doanh nghiệp

- Từ năm 2015 đến 2022 các Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ yếu tiến hành tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm và sản phẩm đăng ký bản công bố.

Bảng 2: Tự công bố sản phẩm và thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm

STT	Năm	Số sản phẩm tự công bố	Số sản phẩm thực hiện đăng ký bản công bố
1	2018	65.140	9.834
2	2019	81.931	12.052
3	2020	66.688	13.145
4	2021	58.813	11.121
5	2022	62.698	7.758
	Cộng	335.270	53.910

Số liệu về số sản phẩm tự công bố (335.270 sản phẩm) được thống kê dựa trên số liệu của 50/63 tỉnh/thành phố tính đến ngày 4/8/2023.

2. Tồn tại, bất cập:

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ lẻ, phân tán rộng và liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân, do đó việc thực hiện hồ sơ tự công bố sản phẩm vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều cơ sở chưa thực hiện tự công bố sản phẩm, nội dung hồ sơ tự công bố còn sai sót.

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định, ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm. Vì hồ sơ, trình tự tự công bố sản phẩm đơn giản nên rất nhiều sản phẩm được nộp với các chỉ tiêu kiểm nghiệm, ghi nhãn sản phẩm không đạt yêu cầu theo quy định. Do đó, việc các sản phẩm không bảo đảm an toàn này lưu thông trên thị trường là một thách thức lớn trong công tác hậu kiểm. Bên cạnh đó quy định "ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm" dẫn đến trình trạng khi phát hiện sản phẩm công bố không đúng quy định thì sản phẩm đã được tiêu thụ trên thị trường. Đồng thời, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP không quy định trường hợp khi cơ quan quản lý phát hiện những điểm không phù hợp trong hồ sơ tự công bố sản phẩm sẽ ra thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân điều chỉnh hồ sơ thực hiện đúng theo quy định.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm yêu cầu chỉ kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn. Các chỉ tiêu về chất lượng như: Hàm lượng chất dinh dưỡng, hàm lượng vitamin, khoáng chất, hoạt chất sinh học chỉ cần công bố hàm lượng, không cần kiểm nghiệm, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ. Điều này giảm kinh phí kiểm nghiệm cho doanh nghiệp nhưng tốn kinh phí cho cơ quan nhà nước trong việc hậu kiểm sau công bố sản phẩm.

- Phương thức quản lý chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp được tự công bố sản phẩm và sản xuất, kinh doanh ngay sau khi tự công bố mà không cần có ý kiến của cơ quan quản lý. Tuy nhiên, một bộ phận doanh nghiệp đã lợi dụng cơ chế này để thực hiện không đúng quy định, không gửi hồ sơ tự công bố đến cơ quan quản lý địa phương, công bố không đúng, không đầy đủ, thậm chí không công bố sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, dẫn đến nhiều sản phẩm không được hậu kiểm và nguy cơ sản phẩm thực phẩm không đảm bảo an toàn. Thậm chí, một số phụ gia thực phẩm tự công bố khi nhập khẩu về kinh doanh không đúng dẫn đến lạm dụng, sử dụng sai mục đích có nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội (Khí cười - N_2O , Cafein...).

- Thiếu nhân lực, thiếu trang thiết bị cần thiết, thiếu kinh phí nên hoạt động hậu kiểm của cơ quan quản lý chỉ đáp ứng một phần yêu cầu, chưa sát thực tế; hiệu quả, hiệu lực hoạt động bị hạn chế, nhất là trong bối cảnh lượng sản phẩm tự công bố quá lớn và càng ngày càng phong phú (Riêng Thành phố Hồ Chí Minh có gần 200.000 sản phẩm tự công bố).

- Việc cho phép doanh nghiệp tự công bố thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm tại Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP không phù hợp với quy định tại Khoản 3 của Điều 12, 18 và khoản 1 Điều 38 Luật an toàn thực phẩm quy định đăng ký bản công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.

- Một số quy định, khái niệm, thuật ngữ còn chưa rõ ràng dẫn đến khó áp dụng, không thống nhất cách hiểu trong quá trình thực hiện: sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi phải đăng ký bản công bố sản phẩm nhưng chưa có giải thích hay khái niệm đối với sản phẩm này; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho chế độ ăn đặc biệt...

- Việc quy định doanh nghiệp tự công bố sản phẩm thực phẩm đăng ký bản công bố sản phẩm chỉ kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm của sản phẩm mà không phải kiểm nghiệm đánh giá các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm có thể

dẫn đến việc sản phẩm không bảo đảm chất lượng lưu thông trên thị trường mà không được kiểm soát kịp thời, ảnh hưởng tới quyền lợi người tiêu dùng. (Trong khi thức ăn chăn nuôi phải đăng ký lưu hành sản phẩm theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Chăn nuôi).

- Việc quy định doanh nghiệp không phải thực hiện công bố lại khi thay đổi công dụng, đối tượng sử dụng, hướng dẫn sử dụng, nhà sản xuất, đặc biệt là đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, dẫn đến việc ghi nhãn, quảng cáo sản phẩm quá công dụng của bản chất sản phẩm mà không được kiểm soát kịp thời.

- Chưa quy định rõ việc chấp nhận bản gốc hay bản sao y công chứng đối với Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate).

- Chưa có quy định về thu hồi, các trường hợp phải thu hồi giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm (trường hợp doanh nghiệp không tồn tại, không kinh doanh hoặc hậu kiểm phát hiện vi phạm), hủy hiệu lực bản tự công bố và hồ sơ tự công bố sản phẩm.

- Việc không quy định thời hạn hiệu lực giấy Tiếp nhận dẫn đến việc không kiểm soát được số lượng sản phẩm thực tế lưu thông trên thị trường, gây khó khăn cho công tác lập kế hoạch, bố trí nguồn lực hậu kiểm.

- Chưa quy định trường hợp doanh nghiệp ngừng sản xuất, kinh doanh, giải thể phải thông báo đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ tự công bố, đăng ký bản công bố, dẫn đến việc khi có sự vụ (ví dụ như có cảnh báo, thu hồi sản không đảm bảo an toàn), tiến hành kiểm tra, thanh tra thì không tìm được doanh nghiệp để giải quyết, xử lý kịp thời.

- Quy định về dịch thuật công chứng đối với tài liệu là bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm sẽ phát sinh về thời gian và chi phí do số lượng tài liệu nhiều.

- Không có cơ sở dữ liệu được cập nhật về lĩnh vực đăng ký thử nghiệm, năng lực được công nhận nên khó có thể kiểm tra tính pháp lý của Phiếu kiểm nghiệm.

- Thời gian thẩm xét hồ sơ quá ngắn (07 ngày), tạo áp lực cho việc thẩm định tính đầy đủ, khoa học của hồ sơ công bố sản phẩm.

- Vì các chỉ tiêu an toàn theo quy định chưa bao phủ được tất cả các sản phẩm, do đó rất khó xác định được các chỉ tiêu kiểm nghiệm trong hồ sơ tự công bố có đạt yêu cầu hay không. Mặc dù số lượng vi sinh vật được xác định trong phiếu kiểm nghiệm kết quả ở mức cao, nhưng thiếu các căn cứ để yêu cầu cơ sở kiểm soát lại chất lượng sản phẩm.

- Do hàng rào kỹ thuật giữa thực phẩm bảo vệ sức khỏe với thực phẩm thường chế biến bao gói sẵn, thực phẩm bổ sung chưa rõ ràng, cụ thể và chưa quy định tính chất đặc thù cho từng loại nên một số tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe không đáp ứng được các quy định về thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo lộ trình bắt buộc đã biến tướng từ hình thức công bố các sản phẩm có bản chất là thực phẩm bảo vệ sức khỏe thành tự công bố các sản phẩm thường chế biến bao gói sẵn và thực phẩm bổ sung.

- Việc quy định cho phép tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm đặt ra nhiều khó khăn, thách thức với cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, nhất là trách nhiệm trong kiểm tra, giám sát đối với chất lượng sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố (Bộ Công an).

- Không có quy định về thời hạn hiệu lực của hồ sơ tự công bố sản phẩm dẫn đến việc các sản phẩm đã áp dụng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, văn bản đã bị bãi bỏ không còn phù hợp khi có các văn bản thay thế thì các chỉ tiêu an toàn được công bố tại hồ sơ sẽ không còn phù hợp với thực tế, gây khó khăn cho công tác hậu kiểm, giám sát về chất lượng sản phẩm.

- Theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, các Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm được tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố, tự công bố trực tuyến, các văn bản, tài liệu được gửi bản điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay phát sinh tình trạng sử dụng giấy tờ giả, scan màu để đưa vào hồ sơ công bố sản phẩm, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội (Bộ Công an). Do vậy, nghiên cứu, bổ sung các quy định nhằm kiểm soát hồ sơ điện tử, hạn chế việc sử dụng hồ sơ giả trong công bố sản phẩm.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Kết quả đạt được:

- Đơn giản hóa và rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tạo thông thoáng và phát huy tối đa quyền của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính về kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu (kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu), rút ngắn thời gian thông quan.

- Tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp, giảm thành phần hồ sơ công bố, giảm thời gian, trình tự thực hiện thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, bước đầu tiết kiệm thời gian, kinh phí cho doanh nghiệp.

Bảng 3. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

STT	Năm	Cơ sở sản xuất
1	2018	654
2	2019	264
3	2020	194
4	2021	77
5	2022	114
	Cộng	1303

2. Tồn tại, bất cập:

- Một bộ phận không nhỏ người dân chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về an toàn thực phẩm, còn sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không ghi rõ thời hạn sử dụng, không có dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y...

- Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, đưa ra danh mục các đối tượng không thuộc diện cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, trong thời gian qua, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện không cấp giấy chứng nhận có nhu cầu cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để làm cơ sở xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh, nâng cao uy tín của cơ sở. (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm chưa quy định cơ quan quản lý đối với trường hợp cơ sở vừa sản xuất thực phẩm vừa kinh doanh dịch vụ ăn uống (ví dụ cơ sở vừa sản xuất bánh do ngành Công Thương quản lý, vừa kinh doanh dịch vụ ăn uống do ngành y tế quản lý).

- Các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm ở quy mô nhỏ lẻ và thường xuyên biến động về số lượng, gây khó khăn cho công tác rà soát, quản lý. Mặt khác, do quy mô nhỏ lẻ, manh mún hộ gia đình nên khó khăn trong việc chấp hành và đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm trong việc chấp hành và đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (quy định tại Điều 36): Quy định về hồ sơ phải nộp khi đăng ký quá nhiều không còn phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính (như hồ sơ về Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo nguyên tắc hậu kiểm (cơ quan thực hiện việc hậu kiểm có thể thẩm định, kiểm tra, thanh tra nội dung này tại cơ sở).

- Hiện nay, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm là cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, thực tế thời gian qua vẫn có nhiều vụ việc ngộ độc thực phẩm xuất phát từ bếp ăn tập thể.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU

1. Kết quả đạt được:

Cắt giảm thủ tục hành chính về kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu (kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu), rút ngắn thời gian thông quan đối với thực phẩm nhập khẩu, giảm tối đa số lượng lô hàng thực phẩm nhập khẩu phải lấy mẫu kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm. Theo đó các sản phẩm thực phẩm đã được cấp Giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm sẽ được miễn kiểm tra nhập khẩu, chiếm khoảng 10%; số mặt hàng phải áp dụng kiểm tra chặt: tối đa 2% (tùy vào cảnh báo) và ít nhất 95% số mặt hàng không cần qua kiểm tra giảm do chỉ kiểm tra xác suất tối đa 5% tổng số mặt hàng thuộc đối tượng kiểm tra giảm.

2. Tồn tại, bất cập:

a) Về tồn tại liên quan đến tính pháp lý của lô hàng thực phẩm nhập khẩu: Tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định phương thức kiểm tra thông thường và phương thức kiểm tra giảm là chỉ kiểm tra hồ sơ của lô hàng nhập khẩu. Trong đó, Bản tự công bố sản phẩm do tổ chức, cá nhân tự công bố theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị định là căn cứ quan trọng nhất để cơ quan kiểm tra nhà nước xác nhận và thông báo lô hàng thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân được phép kinh doanh thực phẩm ngay sau khi nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm tại cơ quan có thẩm quyền ở địa phương mà không cần ý kiến xác nhận hồ sơ phù hợp/không phù hợp quy định pháp luật của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Như vậy, cơ quan kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu phải ra thông báo lô hàng thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu trên cơ sở hồ sơ chưa được đảm bảo tính pháp lý bởi cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

b) Về bất cập trong thực tiễn triển khai kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu:

- Hồ sơ đăng ký kiểm tra theo phương thức kiểm tra thông thường và phương thức kiểm tra chặt quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP không quy định phải có vận đơn, hóa đơn, hợp đồng mua bán liên quan đến thực tế lô hàng nhập khẩu đang vận chuyển về Việt Nam mà chỉ yêu cầu nộp Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing list). Do vậy, có thể lô hàng đã thực hiện kiểm tra

nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu nhưng thực tế doanh nghiệp lại không nhập khẩu vào Việt Nam. Việc này dẫn đến cơ quan quản lý nhà nước về thực phẩm và cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu không có số liệu thực phẩm nhập khẩu và kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, chỉ có số liệu tổng hợp trên giấy tờ, gây khó khăn trong truy xuất nguồn gốc, thanh tra, kiểm tra và đề xuất biện pháp quản lý.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngoài lô hàng thuộc trường hợp miễn kiểm tra và trường hợp phải kiểm tra chặt do có cảnh báo mất an toàn thực phẩm, 100% các lô hàng thực phẩm nhập khẩu lần đầu đều chỉ thực hiện kiểm tra hồ sơ theo phương thức kiểm tra thông thường. Việc chỉ thực hiện đối chiếu thông tin kê khai trên Danh mục hàng hóa (Packing list) với Bản tự công bố sản phẩm mà không có quy trình đối chiếu với hàng hóa thực tế khi nhập khẩu của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo tính chính xác khi kết luận lô hàng nhập khẩu thực tế đạt/không đạt yêu cầu. Thực tế đã ghi nhận trường hợp cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu đã ra Thông báo lô hàng đạt yêu cầu nhập khẩu nhưng khi làm thủ tục thông quan thì một số mặt hàng thuộc lô hàng lại không đạt yêu cầu (nhãn gốc, hạn sử dụng, hồ sơ công bố, danh mục hàng hóa...).

- Hiện nay, công tác quản lý, hậu kiểm chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế nên quy định không lấy mẫu, chỉ tiền kiểm hồ sơ trong kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu đã gây ra khó khăn, vướng mắc trong thi hành Nghị định này. Đề xuất bổ sung nội dung quy định kiểm tra mẫu đối với thực phẩm nhập khẩu.

- Tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP về cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu quy định "Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu là cơ quan được Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Công Thương giao hoặc chỉ định. Trường hợp một lô hàng nhập khẩu có nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều bộ thì cơ quan kiểm tra nhà nước là cơ quan được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao hoặc chỉ định" không phù hợp với thực tế triển khai vì trong trường hợp lô hàng chỉ có thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương và Bộ Y tế lại do cơ quan kiểm tra nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện là không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Luật an toàn thực phẩm và Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định kiểm tra 100% thực phẩm nhập khẩu. Tuy nhiên thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ (Nghị quyết 02/NQ-CP và Nghị quyết 19/NQ-CP) các Bộ chuyên ngành đều phải cắt giảm tối thiểu 50% số dòng hàng phải kiểm tra. Do vậy khi các Bộ quản lý chuyên ngành thực hiện các Nghị quyết trên trái với quy định tại Luật ATTP.

- Việc giao cơ quan hải quan thực hiện phương thức kiểm tra giảm theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP chưa phù hợp với quy định tại Luật ATTP (chỉ giao 3 bộ quản lý chuyên ngành kiểm tra nhà nước đối với ATTP).

- Các văn bản quy định chưa đi kịp với thực tế khi quy định tất cả việc thực hiện các thủ tục hành chính là sử dụng hồ sơ giấy khi đăng ký kiểm tra nhà nước về ATTP nhập khẩu, trong khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Y tế đã thực hiện các thủ tục hành chính trên hệ thống Một cửa quốc gia từ năm 2020, không sử dụng đăng ký hồ sơ giấy như quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Đề nghị bổ sung nội dung quy định kiểm tra mẫu đối với thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu đối với nhóm thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu chỉ tiền kiểm hồ sơ và không lấy mẫu kiểm tra nhà nước về ATTP và chất lượng được nhập khẩu, lưu hành tại Việt Nam do công tác hậu kiểm hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Một số nội dung quy định chưa rõ dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực thi, cụ thể:

+ Tại khoản 5 Điều 13 quy định “5. Sản phẩm là mẫu thử nghiệm hoặc nghiên cứu có số lượng phù hợp với mục đích thử nghiệm hoặc nghiên cứu có xác nhận của tổ chức, cá nhân.”. Theo đó, doanh nghiệp gặp vướng mắc trong việc xác định số lượng thế nào là phù hợp để được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm.

+ Tại khoản 7 Điều 13 quy định “7. Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu hoặc phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước.” Quy định này dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau với cụm từ ‘sản xuất nội bộ’ “không tiêu thụ nội địa” tại quy định nêu trên dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp khi nhập khẩu thực phẩm thuộc trường hợp nêu trên.

IV. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ GHI NHÃN THỰC PHẨM, QUẢNG CÁO THỰC PHẨM

1. Kết quả đạt được:

- Hầu hết các cơ sở tuân thủ các quy định và biết được các nội dung bắt buộc ghi nhãn thực phẩm.

- Đối với các sản phẩm có nhãn không đúng quy định (trong hồ sơ tự công bố, tiếp nhận công bố, sản phẩm lưu thông trên thị trường), các cơ quan quản lý nhà nước đều có các biện pháp yêu cầu cơ sở khắc phục ngay.

- Cắt giảm thủ tục hành chính về quảng cáo sản phẩm, chỉ còn nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe và dinh dưỡng y học phải đăng ký nội dung quảng cáo trước khi thực hiện quảng cáo (10%), còn lại (90%) các sản phẩm khác không phải đăng ký nội dung quảng cáo.

Bảng 4. Công tác quản lý quảng cáo thực phẩm

STT	Năm	Thực phẩm chức năng/ Thực phẩm bảo vệ sức khỏe		Thực phẩm khác	
		Cấp	Thu hồi	Cấp	Thu hồi
1	2018	1635	4	195	1
2	2019	2783	13	286	2
3	2020	3161	2	287	3
4	2021	3682	13	258	0
5	2022	2191	4	176	1
	Cộng	13.452	36	1.202	7

Số liệu về Công tác quảng cáo thực phẩm đối với thực phẩm khác (1.202 sản phẩm) được thống kê dựa trên số liệu của 50/63 tỉnh/thành phố tính đến ngày 04/8/2023.

2. Tồn tại, bất cập:

- Việc quản lý quảng cáo thực phẩm quy còn gặp khó khăn trong kiểm tra, giám sát nội dung quảng cáo, nhất là quản lý quảng cáo thông qua bán hàng đa cấp và quảng cáo thông qua hội thảo, hội nghị giới thiệu sản phẩm, trên không gian mạng, sàn giao dịch thương mại điện tử, các nền tảng mạng xã hội...; vì lợi nhuận, các tổ chức, cá nhân sẵn sàng quảng cáo sai sự thật, thổi phồng công dụng, quảng cáo thực phẩm như thuốc chữa bệnh. Tuy nhiên hiện nay chưa có quy định về việc dừng tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoặc thu hồi hiệu lực của giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi tổ chức/cá nhân có sản phẩm thực phẩm đang vi phạm các quy định của pháp luật về ATTP.

- Quy định “sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo” (Khoản 4 Điều 8) dẫn tới việc doanh nghiệp tự thay đổi công dụng, đối tượng sử dụng, hướng dẫn sử dụng sau công bố không phù hợp với hồ sơ công bố đã được tiếp nhận dẫn đến việc ghi nhãn, quảng cáo sản phẩm quá công dụng của bản chất sản phẩm mà không được kiểm soát kịp thời đặc biệt là đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan y tế có nhiệm vụ xác nhận nội dung quảng cáo đối với nhóm sản phẩm thực phẩm quy định tại Điều 26 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, không có chức năng xác nhận phương tiện quảng cáo.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm tại Việt Nam ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa (Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

43/2017/NĐ-CP) còn phải tuân thủ quy định về ghi nhãn hàng hóa tại Điều 24 Nghị định 15/2018/NĐ-CP và Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ y tế quy định về quản lý thực phẩm chức năng gây rất nhiều khó khăn trong quá trình áp dụng thống nhất các văn bản này.

V. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM BIẾN ĐỔI GEN

1. Quy định quản lý thực phẩm biến đổi gen:

Quản lý, kiểm soát thực phẩm biến đổi gen tại Việt Nam hiện đang được thực hiện theo các quy định hiện hành tại 02 Luật (*Luật ATTP* và *Luật Đa dạng sinh học*); 03 Nghị định (*Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen; Nghị định số 108/2011/NĐ-CP ngày 30/11/2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều Nghị định số 69/2010/NĐ-CP; Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm và Nghị định 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa*) và 02 Thông tư (*Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTTN ngày 24/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và Thông tư liên tịch số 45/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHCN ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen bao gói sẵn*). Các quy định trên cơ bản hài hoà với thông lệ quốc tế và đủ cơ sở để các cơ sở sản xuất, kinh doanh tuân thủ và cơ quan chức năng được phân công quản lý, kiểm soát.

2. Về phân công quản lý, kiểm soát thực phẩm biến đổi gen

a) Theo Khoản 3 Điều 63 Luật an toàn thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm biến đổi gen.

b) Về cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi: Nhiệm vụ này được phân công cho Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc Bộ theo Thông tư số 02/2014/TTBNNPTTN.

c) Về quản lý, kiểm soát ATTP sản phẩm có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, kể cả thực phẩm biến đổi gen: Nhiệm vụ này được Bộ phân công cho Cục Bảo vệ thực vật theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật.

d) Về ghi nhãn sản phẩm biến đổi gen: Thông tư liên tịch số 45/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHCN quy định giao Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (nay là Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường) - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) chịu trách nhiệm triển khai thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Thông tư liên tịch này trong phạm vi toàn quốc đối với sản phẩm được phân công quản lý.

3. Tình hình triển khai của các đơn vị

a) Về cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi:

Theo số liệu tính đến tháng 3/2024, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã cấp Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen (BDG) đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi cho 52 sự kiện, cụ thể: 16 sự kiện BDG của cây Đậu tương; 20 sự kiện BDG của cây Ngô, 08 sự kiện BDG của cây Bông, 04 sự kiện BDG của cây Cải dầu, 03 sự kiện BDG của cỏ Linh lăng/Alfafa, 01 sự kiện BDG của Củ cải đường; công nhận 30 giống ngô biến đổi gen đủ điều kiện sản xuất kinh doanh.

b) Về kiểm tra việc thực hiện ghi nhãn:

Theo quy định nêu trên, kiểm tra việc thực hiện ghi nhãn đối với sản phẩm thực vật (đậu tương, ngô) nhập khẩu, xuất khẩu được Bộ giao cho Cục Bảo vệ thực vật; kiểm tra trong chế biến được phân cấp cho cơ quan kiểm tra địa phương (Sở Nông nghiệp và PTNT).

4. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Vẫn còn tình trạng một số cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ các sản phẩm từ ngô, đậu tương chưa tuân thủ quy định về ghi nhãn sản phẩm biến đổi gen dẫn đến việc người tiêu dùng không nhận được đầy đủ thông tin trước khi quyết định lựa chọn sản phẩm.

VI. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE; ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG PHỤ GIA THỰC PHẨM

1. Kết quả đã đạt được:

Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đã quy định về hồ sơ, trình tự, thẩm quyền cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Thủ tục nộp hồ sơ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trên hệ thống dịch vụ công cấp độ 4 (<https://nghidinh15.vfa.gov.vn/>). Doanh nghiệp có thể theo dõi quá trình giải

quyết các thủ tục hành chính trên tại địa chỉ nêu trên. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được công khai tại địa chỉ <https://nghidinh15.vfa.gov.vn/>.

Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình nộp hồ sơ, đồng thời cũng nâng cao yêu cầu, trách nhiệm của cán bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tránh việc gây những phiền hà cho doanh nghiệp.

2. Tồn tại, bất cập:

- Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 quy định mức độ, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm trong đó có thu phí đối với Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ, nhưng Nghị định 15/2018/NĐ-CP chưa làm rõ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ là cơ sở nào nên khi thu phí các đơn vị thu phí tại các địa phương gặp vướng mắc.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP chưa quy định trình tự, thủ tục thu hồi; cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe; một số quy định về hồ sơ chưa cụ thể và phù hợp với thực tiễn gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Đối với các cơ sở sản xuất thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền đã được Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hoặc đánh giá đáp ứng Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GMP) đối với thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền còn hiệu lực theo quy định của pháp luật về dược được sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên, chưa có quy định việc các cơ sở này gửi thông báo đến Cục An toàn thực phẩm và Cơ quan quản lý cơ sở khi bắt đầu hoạt động sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe gây khó khăn trong công tác quản lý.

- Một số thông tin không phù hợp với thực tế triển khai tại Mẫu số 13: Biên bản thẩm định Điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe và Mẫu số 14: Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

VII. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM

1. Quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm

- Khoản 6 Điều 55 Luật An toàn thực phẩm 2010, Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm quy định: “Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể việc thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc lĩnh vực được phân công quản lý”.

- Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 quy định việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thay thế các Thông tư số 03/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/01/2011 và Thông tư số 74/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011.

- Ngày 19/01/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (*Quyết định số 4164/QĐ-BNNPTNT ngày 26/10/2021*).

Các văn bản, quy định nêu trên với mục tiêu từng bước tạo thuận lợi phát triển truy xuất nguồn gốc như hình thức quảng bá hình ảnh của các cơ sở kinh doanh thực phẩm; thúc đẩy, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đề cao trách nhiệm doanh nghiệp, nâng tầm chất lượng và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh mới.

2. Kết quả thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai việc truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021. Khi có sự cố không bảo đảm ATTP, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị chức năng kiểm tra, xác minh, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về các sự cố ATTP. Các sai phạm đã được xác minh, xử lý và hoạt động giám sát, kiểm tra sau đó của các địa phương đã được tăng cường nhằm ngăn chặn tái phạm.

- Chỉ đạo các đơn vị và địa phương kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định và phối hợp với các cơ quan truyền thông cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về các sự cố an toàn thực phẩm tránh để người dân hoang mang, bức xúc. Các sai phạm đã được xác minh, xử lý và hoạt động giám sát, kiểm tra sau đó của các địa phương đã được tăng cường nhằm ngăn chặn tái phạm, tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong nước.

- Thực hiện truy xuất các lô hàng xuất khẩu của Việt Nam vào EU, Hoa Kỳ... vi phạm qui định về ATTP; Yêu cầu doanh nghiệp điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục để tránh tái phạm.

- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản nhập khẩu: phát hiện và truy xuất, thu hồi, xử lý theo quy định (xử phạt

hành chính, tái xuất, tịch thu, tiêu hủy...) các lô hàng nhập khẩu vi phạm quy định chất lượng, an toàn thực phẩm.

3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Phần lớn các cơ sở nhỏ lẻ chưa thiết lập đầy đủ hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Bên cạnh đó, hiện nay kinh doanh thực phẩm online ngày càng phát triển thông qua các trang mạng xã hội gây khó khăn trong công tác quản lý và chưa có văn bản pháp luật quy định việc quản lý đối với các đối tượng kinh doanh này.

VIII. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Kết quả đã đạt được:

- Đã thực hiện việc phân công, phân cấp, phối hợp quản lý liên ngành giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp để hạn chế sự chồng chéo trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Phân công rõ ràng trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm giữa các Bộ, ngành: Theo đó, Bộ Y tế quản lý 6 nhóm sản phẩm thực phẩm, Bộ Công Thương quản lý 8 nhóm sản phẩm thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý 19 nhóm sản phẩm thực phẩm. Doanh nghiệp vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều Bộ, ngành thì có thể lựa chọn 1 trong 3 cơ quan quản lý nói trên để thực hiện các thủ tục hành chính.

- Tại địa phương: phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương: Nghị định 15 đã phân cấp mạnh mẽ cho địa phương trong quản lý an toàn thực phẩm, các sản phẩm phải đăng ký bản công bố sản phẩm được thực hiện hầu hết tại địa phương, Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) chỉ quản lý và cấp Giấy tiếp nhận bản công bố sản phẩm đối với nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Các tỉnh đã ban hành quy định về phân công, phân cấp phối hợp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn đối với từng sở, ngành, huyện, xã phương để tránh sự chồng chéo, đáp ứng yêu cầu quản lý, đồng thời giảm được việc phát hành các văn bản phối hợp giữa các sở ngành và Ủy ban nhân dân các cấp.

- Các cơ quan quản lý an toàn thực phẩm của 03 ngành Y tế, ngành Công Thương và ngành Nông nghiệp có sự phối hợp chặt chẽ cùng nhau bảo đảm nguyên tắc một cửa, một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

- Trong công tác thanh kiểm tra và thực hiện các thủ tục hành chính, đối với cơ sở sản xuất hoặc vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc nhiều ngành quản lý trở lên, cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm của cơ sở sẽ mời các thành viên trực thuộc các ngành còn lại tham gia hỗ

trợ đánh giá an toàn vệ sinh thực phẩm. Đồng thời, khi xảy ra những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, các cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm của 03 ngành Y tế, ngành Công Thương và ngành Nông nghiệp sẽ tổ chức các cuộc họp hoặc gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất giữa các ngành.

- Thực phẩm chức năng bao gồm Thực phẩm BVSK, Thực phẩm Bổ sung, Thực phẩm dinh dưỡng y học (bao gồm cả thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ đến 36 tháng tuổi), các nhóm sản phẩm này gồm những sản phẩm có tác động trực tiếp đến sức khỏe của con người, đặc biệt với các đối tượng là người bệnh, người có nguy cơ mắc bệnh, phụ nữ mang thai và trẻ nhỏ nên cần được quản lý chặt chẽ. Qua thực tế quản lý trong thời gian qua, qua phản ánh, các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc xác định nhóm sản phẩm, xét duyệt công dụng, đối tượng sản phẩm; Doanh nghiệp đã lợi dụng kẽ hở, thực phẩm BVSK nhưng tự công bố là thực phẩm bổ sung, ghi nhãn sai, quảng cáo sai sản xuất tại cơ sở có điều kiện thấp kém không bảo đảm an toàn thực phẩm gây ảnh hưởng đến sức khỏe và thiệt hại cho người tiêu dùng.

2. Tồn tại, bất cập:

- Khoản 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định căn cứ vào cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý, tuy nhiên, cơ sở thường gặp khó khăn vì không quy đổi ra được sản lượng của loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống để so sánh với sản lượng của loại hình sản xuất thực phẩm.

- Quy định tại khoản 2 Điều 38 và khoản 2 Điều 39 giao các Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công Thương “Xây dựng và gửi Bộ Y tế ban hành quy định về mức giới hạn an toàn đối với các nhóm sản phẩm thuộc phạm vi quản lý” cần được rà soát, làm rõ phân công thực hiện theo từng công đoạn cho phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

- Văn bản của các ngành hướng dẫn đối với cùng 01 nội dung hoặc lĩnh vực quản lý cũng không thống nhất gây khó khăn trong triển khai thực hiện, đặc biệt đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm thuộc 2 ngành trở lên quản lý (ví dụ như việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, việc tập huấn xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm).

- Một số văn bản có căn cứ pháp lý là những văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực chưa được ban hành thay thế gây bất cập trong việc tiếp tục triển khai thực hiện, ví dụ: Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Quản lý an toàn thực phẩm tại cấp quận, huyện gặp nhiều khó khăn khi nguồn nhân lực mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm, trong khi đó số cơ sở phân cấp quản lý lớn nên việc kết nối quản lý theo hệ thống còn hạn chế.

- Việc phân công trách nhiệm quản lý về các sản phẩm/nhóm sản phẩm giữa các Bộ (Y tế, NN&PTNT, Công Thương) được quy định rõ tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP nhưng chưa phân cấp cụ thể cho địa phương để quản lý đối tượng là cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm/nhóm sản phẩm đó.

- Thể chế quản lý về an toàn thực phẩm cơ bản đầy đủ, từ Luật an toàn thực phẩm, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các văn bản quy phạm pháp luật của các ban, ngành liên quan... ; tuy nhiên, việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát thực thi các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm tại một số nơi chưa chặt chẽ, nhất là tại tuyến cơ sở...

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

I. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật đồng bộ để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác an toàn thực phẩm nhằm thực hiện thành công các mục tiêu được Đảng giao tại Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban chấp hành trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

2. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm; Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

3. Đổi mới, đa dạng hóa và đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm rộng rãi trong xã hội, đến các cộng đồng dân cư, từng người dân, từng gia đình.

II. GIẢI PHÁP

1. Xây dựng pháp luật về an toàn thực phẩm:

Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm, trong đó cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.

- Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

- Tăng cường đơn giản hóa và rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tạo thông thoáng và phát huy tối đa quyền của doanh nghiệp.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm với các hệ thống pháp luật khác, đặc biệt là hệ thống pháp luật về quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác quản lý an toàn thực phẩm thống nhất từ Trung ương đến địa phương, bao gồm các nội dung về doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm, công bố, quảng cáo thực phẩm; các vi phạm về an toàn thực phẩm; tình hình ngộ độc thực phẩm; cảnh báo nguy cơ về an toàn thực phẩm để phục vụ cho việc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm như chỉ đạo điều hành, cập nhật, lưu trữ các dữ liệu, thống kê báo cáo về an toàn thực phẩm; phục vụ người dân, doanh nghiệp tiếp cận các thông tin về an toàn thực phẩm.

2. Tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật về an toàn thực phẩm

2.1. Các giải pháp về phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm

a) Đổi mới, mở rộng, nâng cao chất lượng công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm:

- Đa dạng hóa về nội dung, phương thức thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông bảo đảm tính thân thiện, có chất lượng, phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng, văn hóa, ngôn ngữ ở các vùng miền khác nhau, trong đó chú trọng truyền thông về an toàn thực phẩm.

- Kết hợp giữa truyền thông đại chúng với truyền thông trực tiếp, trong đó chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống cơ quan thông tin, truyền thông và tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

b) Khẩn trương xây dựng và ban hành Quy trình phổ biến giáo dục pháp luật về y tế làm cơ sở cho các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai việc phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm thống nhất và đạt hiệu quả cao.

c) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm theo các kế hoạch cụ thể được phê duyệt cho đội ngũ công chức, viên chức y tế, đặc biệt là những công chức trực tiếp làm công tác xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật an toàn thực phẩm tại Bộ Y tế - những công chức có thẩm quyền ban hành các quyết định áp dụng pháp luật, công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm.

d) Xây dựng và lồng ghép nội dung đào tạo pháp luật về an toàn thực phẩm trong chương trình đào tạo pháp luật về y tế.

đ) Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật về y tế nói chung và pháp luật an toàn thực phẩm nói riêng, đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí này.

2.2. Các giải pháp về kiểm tra việc thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm

a) Xây dựng và ban hành Quy trình kiểm tra việc thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm làm cơ sở cho các đơn vị, địa phương triển khai kiểm tra việc thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm thống nhất và có hiệu quả cao.

b) Hằng năm, Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị trực thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm cho đơn vị, địa phương mình và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch.

c) Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng bảng kiểm, tiến hành kiểm tra việc thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm theo đúng quy trình đã hướng dẫn và bảng kiểm.

d) Việc tiến hành kiểm tra phải thực chất, tránh hình thức, xuê xoa dẫn đến việc không tuân thủ pháp luật, không bảo đảm kỷ cương, kỷ luật hành chính. Nếu phát hiện có sai phạm, bên cạnh việc nhắc nhở, chấn chỉnh phải có các biện pháp, hình thức xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm theo đúng thẩm quyền được giao.

đ) Đẩy mạnh phối hợp liên ngành (Bộ Y tế; Công Thương; Nông nghiệp; Công an) trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

e) Việc thực thi các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm cần tập trung vào vấn đề tổ chức thực hiện, hướng đến mục tiêu đảm bảo an toàn thực phẩm, thực phẩm sạch, hạn chế thấp nhất số vụ ngộ độc xảy ra, nếu có xảy ra thì với quy mô nhỏ nhất, người mắc ít nhất, ảnh hưởng ít nhất đến sức khỏe người dân.

g) Kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm các cấp; rà soát lại quy chế làm việc, phân cấp, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, cơ quan chức năng cụ thể, phân công phụ trách theo từng khu vực, địa phương.

h) Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới, Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, Công điện số 44/CĐ-TTg ngày 03/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngăn ngừa, xử lý ngộ độc thực phẩm, Công điện số 50/CĐ-TTg ngày 15/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý vụ ngộ độc thực phẩm tại tỉnh Vĩnh Phúc, Công văn số 2487/BYT-ATTP ngày 11/5/2024 của Bộ Y tế về việc ngăn ngừa, xử lý ngộ độc thực phẩm. Trong

đó nhân mạnh nội dung: Người đứng đầu các cấp, đơn vị phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

i) Quan tâm hơn nữa đến công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; kiên quyết không để các cơ sở không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp), không đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm vẫn hoạt động. Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở kinh doanh, sản xuất nông, lâm sản, nhất là các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thu gom các nguyên liệu trôi nổi ngoài thị trường, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không được kiểm soát an toàn thực phẩm để cung cấp cho bếp ăn tập thể các công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, phải đình chỉ ngay hoạt động của cơ sở gây ngộ độc, yêu cầu khắc phục đúng quy định trước khi hoạt động trở lại, tiến hành truy xuất nguồn gốc thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm đến cùng, xác định rõ nguyên nhân. Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

k) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, từ điều kiện cơ sở, trang thiết bị, con người, đặc biệt là việc tuân thủ, chấp hành các quy định đối với nguyên liệu thực phẩm, nguồn nước sử dụng; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý và thông tin rộng rãi kết quả xử lý để cảnh báo cho cộng đồng. Yêu cầu các Ban quản lý KCN/KCX, các công ty kiên quyết không ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu, cung cấp suất ăn, dịch vụ ăn uống với các cơ sở không đủ điều kiện ATTP, không có GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm tại các cơ quan, công ty, trường học, đơn vị.

l) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thường xuyên liên tục các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm, phù hợp với đặc điểm của địa phương (sử dụng tiếng dân tộc đối với vùng đồng bào dân tộc, chú ý cả các vùng sâu, vùng xa). Tuyên truyền để chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở thấy sức khỏe của người lao động là tài sản, đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, cho cơ sở, từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc đảm bảo tốt khẩu phần ăn của người lao động. Tuyên truyền để người tiêu dùng, người lao động thấy sức khỏe là vốn quý, tự chủ động tìm hiểu, nâng cao kiến thức về bảo đảm an toàn thực phẩm và biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thói quen trong lựa chọn và sử dụng thực phẩm, tuyệt đối không sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không đảm bảo an toàn.

III. KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI ĐỐI VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ TRONG NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Để hoàn thiện cơ chế quản lý về an toàn thực phẩm và khắc phục những tồn tại, bất cập trong quy định, trên cơ sở tổng hợp và đánh giá kết quả tổng kết của các bộ ngành liên quan và địa phương, Bộ Y tế xin đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung cần thiết và cấp bách tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP như sau:

1. Về công bố sản phẩm (Tự công bố/Đăng ký bản công bố sản phẩm)

Đối với đăng ký bản công bố:

- Bổ sung các trường hợp phải đăng ký lại bản công bố; quy định về thu hồi bản công bố.

- Quy định về pháp nhân thực hiện tự công bố, đăng ký công bố sản phẩm: chỉ có nhà sản xuất (đối với sản phẩm sản xuất trong nước) và nhà nhập khẩu có ủy quyền của nhà sản xuất (đối với sản phẩm nhập khẩu).

- Bổ sung các đối tượng phải thực hiện đăng ký bản công bố: bổ sung các nhóm Thực phẩm bổ sung, Thực phẩm (nhập khẩu) chứa phụ gia ngoài danh mục, Chất hỗ trợ chế biến không thuộc danh mục do Bộ Y tế quy định.

- Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc thành phần tạo nên công dụng đã công bố: quy định cụ thể hơn về bằng chứng khoa học và bổ sung quy định về thử nghiệm hiệu quả công dụng.

- Dữ liệu nghiên cứu độ ổn định của sản phẩm: đối với sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Trình tự, thủ tục tự công bố, đăng ký bản công bố: Sửa đổi quy định về tiếp nhận, quản lý hồ sơ tự công bố; Sửa đổi quy định về thời gian thẩm định.

Đối với tự công bố:

- Bổ sung các trường hợp hủy hiệu lực hồ sơ tự công bố, các trường hợp phải tự công bố lại; bổ sung quy định thời gian xem xét hồ sơ là 7 ngày: trường hợp hồ sơ đạt, cơ quan quản lý đăng tải hồ sơ lên cổng thông tin điện tử, trường hợp không đạt, có văn bản đề nghị doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung.

2. Về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu:

Bổ sung quy định cơ quan kiểm tra lô hàng hỗn hợp nhập khẩu trong đó không có sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Về quản lý cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng:

- Bổ sung quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng do các Bộ quản lý ngành thực hiện.

- Rà soát, bổ sung quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (bãi bỏ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước).

4. Về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước:

Thực hiện phân cấp mạnh cho địa phương, đồng thời quy định rõ hơn nội dung xử lý sự cố an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan.

Đồng thời, thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình công tác của Chính phủ năm 2024; Bộ Y tế cũng đã hoàn thiện hồ sơ Lập đề nghị xây dựng Luật an toàn thực phẩm và gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định. Do đó, Bộ Y tế sẽ tiếp tục tham mưu để đưa các vấn đề khác vào nội dung xem xét sửa đổi Luật an toàn thực phẩm và đồng bộ các quy định pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm.

Trên đây là báo cáo tổng kết 05 năm thi hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Công an;
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Lưu: VT, ATTP.

BỘ TRƯỞNG

Đào Hồng Lan